

Số: 211/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 8556/TTr-BNN-VPĐP ngày 23 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí nông thôn mới và Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao

cấp xã, huyện và bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù giai đoạn 2021 - 2025) (theo Phụ lục đính kèm).

Đối với các xã khu vực II, khu vực III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã an toàn khu thuộc huyện nghèo: Mức đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao được áp dụng theo quy định đạt chuẩn đối với vùng Trung du miền núi phía Bắc.

Điều 2. Nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương:

1. Các bộ, ngành liên quan căn cứ chức năng quản lý nhà nước, rà soát, hoàn thiện, ban hành văn bản hợp nhất về hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới và Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao cấp xã, huyện và các tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế, trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Chủ động quy định cụ thể các tiêu chí, chỉ tiêu đã được phân cấp; căn cứ hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan, quy định cụ thể đối với các nhóm xã, huyện phù hợp với điều kiện đặc thù, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo mức đạt chuẩn không thấp hơn so với quy định của trung ương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Thành viên BCĐTW các chương trình MTQG;
- VPĐP NTM Trung ương (Bộ NN&PTNT);
- HEND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTT, KGVX, TCCV, NC, QHDP, PL, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b). 128

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trần Lưu Quang



Phụ lục I
SỬA ĐỔI MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU CỦA BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA
CHUYÊN XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 BAN HÀNH KÈM
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 318/QĐ-TTg NGÀY 08 THÁNG 3 NĂM 2022
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số: 21/QĐ-TTg
ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Sửa đổi chỉ tiêu 13.1 thuộc tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

2. Sửa đổi chỉ tiêu 15.4 thuộc tiêu chí số 15 về Y tế như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
15	Y tế	15.4. Xã triển khai thực hiện số khám chữa bệnh điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

3. Sửa đổi chỉ tiêu 17.1 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng							
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Xã không thuộc khu vực III	≥45%	≥30%	≥55%	≥45%	≥45%	≥30%	≥55%	≥45%
			UBND cấp tỉnh quy định cụ thể tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung (nếu có)								
			Xã khu vực III	≥45%	≥20%	≥55%	≥35%	≥35%	≥20%	≥55%	≥45%
			UBND cấp tỉnh quy định cụ thể tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung (nếu có)								

4. Sửa đổi chỉ tiêu 18.4 thuộc tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng							
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.4. Tiếp cận pháp luật	a) Ban hành văn bản theo thẩm quyền đề tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		b) Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		c) Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt



Phụ lục II
SỬA ĐỔI MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU CỦA BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA
VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 BAN HÀNH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 318/QĐ-TTg NGÀY 08 THÁNG 3 NĂM 2022
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số: 211/QĐ-TTg
ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Sửa đổi chỉ tiêu 3.2, 3.4 thuộc tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả	≥1	≥1	≥1	≥1	≥1	≥1	≥1	≥1
		3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

2. Sửa đổi chỉ tiêu 8.4 thuộc tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
8	Thông tin và Truyền thông	8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội	Bộ Thông tin và Truyền thông công bố chỉ tiêu cụ thể							

3. Bãi bỏ nội dung tiêu chí “12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn” và chỉ tiêu “UBND cấp tỉnh quy định cụ thể” thuộc tiêu chí số 12 về Lao động.

4. Sửa đổi chỉ tiêu 13.3, 13.4 thuộc tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chi tiêu chung	Chi tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khoẻ cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥1	≥1	≥1	≥1	≥1	≥1	≥1	≥1
		13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể							

5. Sửa đổi chỉ tiêu 14.2, 14.3, 14.4 thuộc tiêu chí số 14 về Y tế như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chi tiêu chung	Chi tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
14	Y tế	14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khoẻ điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.4. Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

6. Sửa đổi chỉ tiêu 15.2 thuộc tiêu chí số 15 về Hành chính công như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chi tiêu chung	Chi tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
15	Hành chính công	15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

7. Sửa đổi chỉ tiêu 16.1, 16.2 thuộc tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%

8. Sửa đổi chỉ tiêu 17.10 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
17	Môi trường	17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hòa táng	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể (nếu có) để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu của cộng đồng và đặc điểm văn hóa từng dân tộc							

9. Sửa đổi chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.3 thuộc tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥55%	≥35%	≥65%	≥55%	≥50%	≥35%	≥65%	≥55%
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể							
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững								



Phụ lục III
SỬA ĐỔI MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU CỦA BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA
VỀ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 BAN HÀNH KÈM
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 320/QĐ-TTg NGÀY 08 THÁNG 3 NĂM 2022
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số: 21/QĐ-TTg
ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Sửa đổi chỉ tiêu 2.4 thuộc tiêu chí số 2 về Giao thông như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
2	Giao thông	2.4. Bến xe khách tại huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	≥01

2. Sửa đổi chỉ tiêu 5.4 thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1, hoặc đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thông qua các thiết chế giáo dục khác được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục thường xuyên trên địa bàn	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể

3. Sửa đổi chỉ tiêu 6.2, 6.4 thuộc tiêu chí số 6 về Kinh tế như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
6	Kinh tế	6.2. Có mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm theo hướng dẫn	Đạt
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoặc đơn vị chuyên giao kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể

4. Sửa đổi chỉ tiêu 7.4 thuộc tiêu chí số 7 về Môi trường như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
7	Môi trường	7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp	≥01 công trình

5. Sửa đổi chỉ tiêu 9.5 thuộc tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	9.5. Có dịch vụ công trực tuyến một phần	Đạt



Phụ lục IV

**SỬA ĐỔI MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU CỦA BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ
HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 BAN HÀNH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 320/QĐ-TTg NGÀY 08 THÁNG 3 NĂM 2022
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số: 24 /QĐ-TTg
ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Sửa đổi chỉ tiêu 2.3 thuộc tiêu chí số 2 về Giao thông như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
2	Giao thông	2.3. Bến xe khách tại huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên	≥01

2. Sửa đổi chỉ tiêu 3.1 thuộc tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp	Đạt

3. Sửa đổi chỉ tiêu 5.5 thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục như sau:

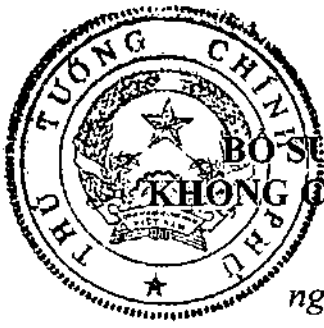
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, hoặc đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thông qua các thiết chế giáo dục khác được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục thường xuyên trên địa bàn	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể

4. Sửa đổi chỉ tiêu 6.3 thuộc tiêu chí số 6 về Kinh tế như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
6	Kinh tế	6.3. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định	Đạt

5. Sửa đổi chỉ tiêu 9.2 thuộc tiêu chí số 9 về An ninh trật tự - Hành chính công như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
9	An ninh trật tự - Hành chính công	9.2. Có dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Đạt



Phụ lục V

**BỘ SƯNG TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI ĐẶC THÙ,
KHÔNG CÓ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 211 /QĐ-TTg
ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện đạt từ 90% trở lên.

2. Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	Đạt
		1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	≥01 công trình
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch và được bảo trì hàng năm	100%
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể
		2.3. Đường thủy nội địa do địa phương quản lý (nếu có) được lắp đặt hệ thống báo hiệu; các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa do địa phương quản lý (nếu có) đảm bảo các điều kiện an toàn và được cấp phép hoạt động	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp (nếu có) được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện đồng bộ theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Có Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn, hoặc có Trung tâm y tế quân dân y theo quy định	Đạt
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn, thường xuyên tổ chức các loại hình hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao	Đạt
		5.3. Trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố chỉ tiêu cụ thể
6	Kinh tế - Xã hội	6.1. Tỷ lệ tàu cá khai thác và cơ sở nuôi trồng thủy sản (nếu có) đảm bảo điều kiện theo quy định đạt 100%	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể
		6.2. Có mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm theo hướng dẫn	Đạt
		6.3. Nhà tạm, dột nát	Không
		6.4. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể
		6.5. Thu nhập bình quân đầu người của huyện tại thời điểm xét, công nhận huyện nông thôn mới ít nhất phải bằng mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới trên địa bàn cấp tỉnh tại cùng thời điểm	Đạt
		6.6. Tỷ lệ nghèo đa chiều của huyện tại thời điểm xét, công nhận huyện nông thôn mới phải bằng hoặc thấp hơn tỷ lệ nghèo đa chiều áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới trên địa bàn cấp tỉnh tại cùng thời điểm	Đạt
		6.7. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) của huyện tại thời điểm xét, công nhận huyện nông thôn mới ít nhất phải bằng tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới trên địa bàn cấp tỉnh tại cùng thời điểm	Đạt
		6.8. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) của huyện tại thời điểm xét, công nhận huyện nông thôn mới ít nhất phải bằng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới trên địa bàn cấp tỉnh tại cùng thời điểm	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt
		7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥40%
		7.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề (nếu có) đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%
		7.4. Tỷ lệ che phủ rừng (nếu có rừng)	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể
		7.5. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥2m ² /người
		7.6. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥85%
		7.7. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Bộ NNPTNT công bố chỉ tiêu cụ thể
		8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥80%
		8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan trên địa bàn huyện	Đạt
		8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt
		9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%
		9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Không
		9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		9.5. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt
		9.6. Có dịch vụ công trực tuyến một phần	Đạt
		9.7. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt